| | |
|---|---|
| **TAND HUYỆN N**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2018
V/v ly hôn giữa anh T và chị L

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Từ Minh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa:

***Nguyên đơn***: Anh Vũ Chí T, sinh năm 1975 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn***: Chị Phùng Thị L, sinh năm 1979 " vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Chí T trình bày:* Anh và chị Phùng Thị L đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài. Đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do chị L ham chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn. Tháng 12/2016 chị L bỏ nhà đi đâu anh không biết, thi thoảng có về thăm con, vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

*Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01con chung là Vũ Chí Đ, sinh năm 2004. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Hiện nay anh đang làm nghề thợ may, thu nhập mỗi tháng từ 6- 7 triệu đồng.

*Về tài sản, công nợ*: Vợ chồng anh không có.

Bị đơn, chị Phùng Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, chị L vẫn vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh T chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho anh Vũ Chí T được ly hôn chị Phùng Thị L

*Về con chung*: Giao cho anh Vũ Trí T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Chí Đ, sinh năm 2014. Cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Tòa án đã tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đối với chị L nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị L.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Vũ Chí T và chị Phùng Thị L đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh T và chị L đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh khởi kiện xin ly hôn chị L. Quá trình giải quyết vụ án chị L không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T được ly hôn chị L.

[3] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng anh T, chị L có 01 con chung là Vũ Chí Đ, sinh năm 2004. Anh T đề nghị được nuôi con và đủ điều kiện để nuôi con, cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với anh T nên cần giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

*Về tài sản và công nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

*1. Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Vũ Chí T và chị Phùng Thị L.

*2. Về nuôi con chung:* Giao cho anh Vũ Chí T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Chí Đ, sinh năm 2004. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

*3.Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002841 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống Đ hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.Hội đồng xét xử sơ thẩm**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỈNH BẮC GIANG**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải và bà Nguyễn Thị Hoan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 489/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

***Nguyên đơn***: Anh Vũ Chí T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn***: Chị Phùng Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

*1. Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Vũ Chí T và chị Phùng Thị L.

Kết quả biểu quyết: 3/3

*2. Về nuôi con chung:* Giao cho anh Vũ Chí T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Chí Đ, sinh năm 2004. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

*3.Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002841 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống Đ hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Từ Minh Hải** **Nguyễn Thị Hoan** **Tạ Thị Thu Thủy**